SỔ TAY

GIÁM SÁT TÁC ĐỘNG VPA FLEGT CHO CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI

SRD Sustainable Rural Development

VNGO FLEGT

Hà Nội, tháng 5, năm 2019

CÁC TỪ VIẾT TẮT

DN	Doanh nghiệp
EU	Liên minh Châu ÂU
FAO	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc
FLEGT	Thực thi lâm luật, quản trị rừng và thương mại lâm sản
FORMIS	Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp Hệ thống thông tin quản lý ngành lâm nghiệp việt nam
GS	Giám sát
SLSC	Số liệu sơ cấp
SLTC	Số liệu thứ cấp
VPA	Hiệp định đối tác tự nguyện

Lời giới thiệu

Hiệp định đối tác tự nguyện về Thực thi Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản (VPA FLEGT) giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) đã được ký kết. Theo kế hoạch đến đầu năm 2021, VPA sẽ được thực hiện đầy đủ thông qua việc vận hành Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS) và bắt đầu cấp phép FLEGT cho các lô hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào EU. Khi VPA/FLEGT được thực hiện thì gỗ và các sản phẩm có nguồn gốc từ gỗ dù bán ra thị trường trong nước hay thị trường quốc tế đều phải đảm bảo gỗ hợp pháp và phải được kiểm soát và quản lý thông qua VNTLAS. Các tác động của VPA/FLEGT lên hộ trồng rừng và các doanh nghiệp chế biến gỗ là không thể tránh khỏi và cần được giám sát.

Nhằm hỗ trợ thực hiện việc giám sát các tác động của VPA FLEGT, được sự hỗ trợ tài chính của chương trình FAO FLEGT, Trung tâm Phát triển Nông thôn Bền Vững (SRD) tiến hành biên soạn "Sổ tay giám sát tác động VPA/FLEGT cho các tổ chức xã hội"

Mục đích

Sổ tay được biên soạn với mục đích hướng dẫn các tổ chức xã hội (TCXH) thực hiện giám sát tác động của hiệp định VPA đến 2 nhóm đối tượng chính là: (i) hộ trồng rừng sản xuất và (ii) doanh nghiệp chế biến gỗ quy mô nhỏ và siêu nhỏ.

Đối tượng sử dụng

Các tổ chức xã hội và các tổ chức, cá nhân khác có quan tâm đến việc thực hiện giám sát tác động của Hiệp định VPA/FLEGT đến 2 nhóm đối tượng trên.

Nội dung

Sổ tay được thiết kế thành 2 phần chính

PHẦN I: - GIỚI THIỆU CHUNG VỀ GIÁM SÁT TÁC ĐỘNG VPA/FLEGT

- NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIÁM SÁT TÁC ĐỘNG VPA/FLEGT

PHẦN II: - TỔ CHỨC VÀ THỰC HIỆN GIÁM SÁT TÁC

- HƯỚNG DẪN CHUNG VỀ CÁCH TỔ CHỨC VÀ CÁC BƯỚC THỰC HIỆN VIỆC GIÁM SÁT TÁC ĐỘNG CỦA VPA/FLEGT

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU 04

MỤC LỤC 05

PHẦN 1: GIỚI THIỆU VỀ GIÁM SÁT TÁC ĐỘNG CỦA VPA FLEGT

1.1 Các hình thức giám sát trong VPA 06

1.2 Giám sát tác động VPA FLEGT là gì 06

1.3 Đối tượng được lựa chọn để giám sát 06

1.4 Lĩnh vực giám sát tác động 07

1.5 Các chỉ số giám sát cho từng lĩnh vực 07

1.6 Khung giám sát tác động VPA FLEGT 09

PHẦN II: TỔ CHỨC VÀ THỰC HIỆN GIÁM SÁT

2.1 Tổ chức giám sát 10

2.2 Thực hiện việc giám sát 10

Phụ lục 1 13

Phụ lục 2 17

PHẦN 1: GIỚI THIỆU VỀ GIÁM SÁT TÁC ĐỘNG CỦA VPA FLEGT

1.1 Các hình thức giám sát trong VPA

Theo EU FLEGT-Facility (2016), có nhiều phương pháp khác nhau được tiến hành để giám sát quá trình thực hiện và tác động của VPA. Một cách rộng rãi nhất, có 4 loại giám sát chính

- Đánh giá độc lập (Independent auditing)
- Quan sát độc lập (Independent observation)
- Giám sát thị trường độc lập (Independent market monitoring)
- Giám sát tác động (Impact monitoring)

1.2 Giám sát tác động VPA FLEGT là gì

Giám sát tác động xem xét hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của việc thực hiện VPA/FLEGT. Giám sát tác động kiểm tra liệu VPA/FLEFT có đạt được kết quả như mong đợi hay không. Giám sát tác động phản ánh đến các chính quyền và các nhà hoạch định về tính hiệu quả của các chính sách. Giám sát cũng có thể xác định những tác động tiêu cực không mong muốn cho các bên để giảm thiểu và giải quyết phù hợp với điều khoản 16 của VPA về an toàn xã hội.

Điều khoản 16 trong VPA nêu ra *"để hạn chế đến mức thấp nhất những tác động có thể xảy ra của Hiệp định, các bên sẽ đánh giá tác động lên cộng đồng dân tộc thiểu số và người dân địa phương có liên quan, và lên cách sống của họ, cũng như đối với các hộ gia đình và ngành gỗ"*.

1.3 Đối tượng được lựa chọn để giám sát

Theo điều 16 của VPA thì đối tượng chịu sự tác động của VPA/FLEGT là khá đa dạng. Trong khuôn khổ của Sổ tay này thì 2 nhóm đối tượng (bao gồm cả người kinh và người dân tộc thiểu số) được lựa chọn để thực hiện giám sát tác động, đó là:

- Nhóm hộ trồng rừng sản xuất
- Nhóm doanh nghiệp chế biến gỗ nhỏ và siêu nhỏ

  Theo nghị định 39/2018/NĐ-CP

- Siêu nhỏ: Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội <10 người, doanh thu không quá 3 tỷ hay tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ
- DN nhỏ: Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội <100 người, doanh thu không quá 50 tỷ hay tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ

1.4 Lĩnh vực giám sát tác động

Ba lĩnh vực cơ bản sau đây được lựa chọn để giám sát tác động của VPA-FLEGT, bao gồm:

1.5 Các chỉ số giám sát cho từng lĩnh vực

1.5.1 Các chỉ số giám sát cho thu nhập

Chỉ số	Công cụ	Nguồn dữ liệu
Nhóm hộ trồng rừng sản xuất		
Diện tích rừng trồng bình quân của hộ	Thu thập SLTC	FORMIS
Trữ lượng gỗ rừng trồng bình quân của hộ	Thu thập SLTC	FORMIS
Số hộ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Thu thập SLTC	FORMIS
Số hộ trồng rừng gỗ lớn	Thu thập SLTC	FORMIS
Phần trăm thu nhập bình quân từ lâm nghiệp của hộ	Thu thập số liệu sơ cấp	Hộ trồng rừng
Nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chế biến gỗ		
Số lượng lao động dài hạn bình quân trong DN	Phỏng vấn DN	Chủ DN
Số lượng lao động ngắn hạn bình quân trong DN	Phỏng vấn DN	Chủ DN
Số lượng DN và cơ sở chế biến gỗ	Thu thập SLTC	Hạt kiểm lâm
Mức lương lao động bình quân trong DN	Phỏng vấn DN	Chủ DN

1.5.2 Các chỉ số giám sát cho dễ dàng trong kinh doanh

Chỉ số	Công cụ	Nguồn dữ liệu
Nhóm hộ trồng rừng sản xuất		
Số hộ tự làm thủ tục khai thác gỗ	Phỏng vấn hộ	Hộ trồng rừng
Số hộ tuân thủ đầy đủ các quy định về khai thác gỗ rừng trồng	Phỏng vấn hộ	Hộ trồng rừng
Nhận xét của hộ về chất lượng dịch vụ công	Phỏng vấn hộ	Hộ trồng rừng
Nhận xét của hộ về mức độ nhũng nhiễu trong trồng và khai thác rừng	Phỏng vấn hộ	Hộ trồng rừng
Nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chế biến gỗ		
Số DN tuân thủ đầy đủ quy định về thành lập doanh nghiệp	Phỏng vấn DN	Chủ DN
Số DN tuân thủ đầy đủ quy định về nguồn gốc gỗ đưa vào chế biến	Phỏng vấn DN	Chủ DN
Số DN tuân thủ đầy đủ quy định về thuế	Phỏng vấn DN	Chủ DN
Số DN tuân thủ đầy đủ quy định về lao động	Phỏng vấn DN	Chủ DN
Nhận xét của của DN về chất lượng dịch vụ công	Phỏng vấn DN	Chủ DN
Nhận xét của DN về mức độ nhũng nhiễu trong trồng và khai thác rừng	Phỏng vấn DN	Chủ DN

1.5.3 Các chỉ số giám sát cho thị trường

Chỉ số	Công cụ	Nguồn dữ liệu
Nhóm hộ trồng rừng sản xuất		
Số hộ bán gỗ trực tiếp cho DN	Phỏng vấn hộ	Hộ trồng rừng
Số hộ biết rõ về các tiêu chuẩn thị trường	Phỏng vấn hộ	Hộ trồng rừng
Số hộ biết nơi tiêu thụ sản phẩm của họ	Phỏng vấn hộ	Hộ trồng rừng
Số hộ biết rõ thông tin về người mua	Phỏng vấn hộ	Hộ trồng rừng

Nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chế biến gỗ		
Số tấn gỗ rừng trồng mua vào bình quân	Phỏng vấn DN	Chủ DN
Số DN tự xuất khẩu sản phẩm	Phỏng vấn DN	Chủ DN
Số khách hàng bình quân của DN	Phỏng vấn DN	Chủ DN
Giá mua bình quân cho 1 tấn gỗ	Phỏng vấn DN	Chủ DN

1.6 Khung giám sát tác động VPA FLEGT

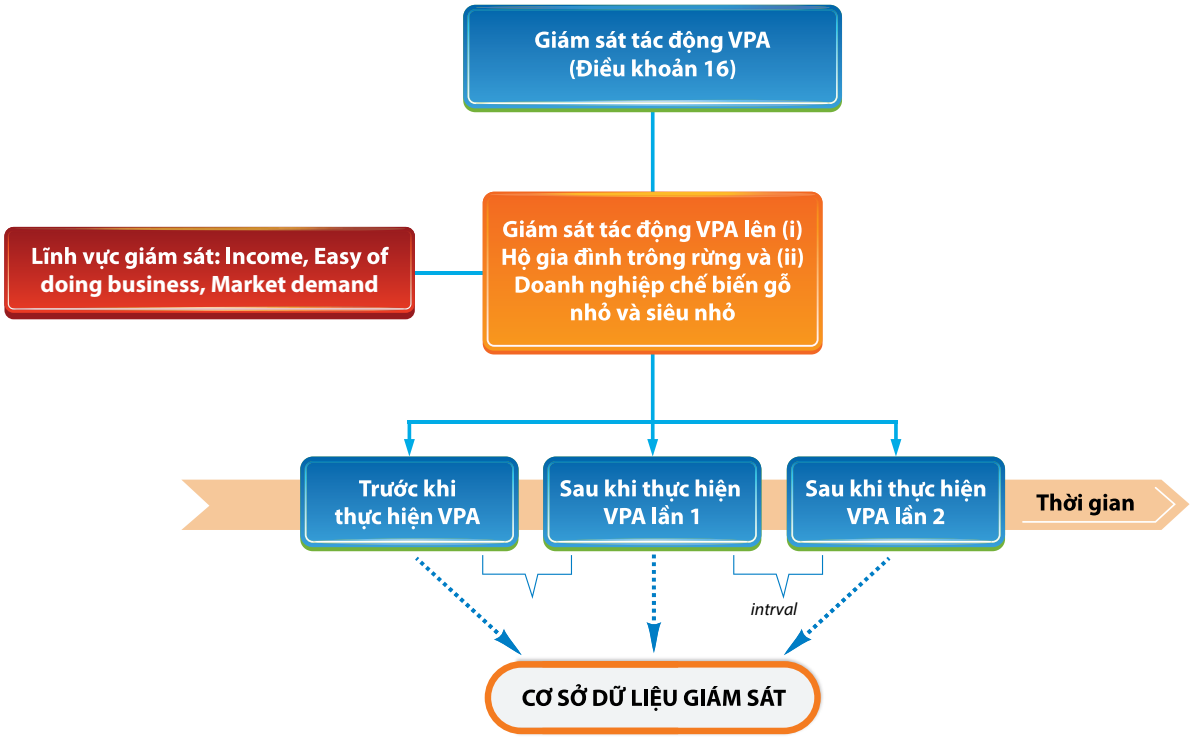

PHẦN II: TỔ CHỨC VÀ THỰC HIỆN GIÁM SÁT

2.1 Tổ chức giám sát

Các tổ chức xã hội thành lập một đoàn giám sát gồm 5-7 người, trong đó có 1 trưởng đoàn, 1 phó đoàn, 1 thư ký và 3-4 thành viên.

Trưởng đoàn phân công trách nhiệm cụ thể cho từng vị trí trong nhóm, lên kế hoạch để thực hiện các hoạt động chuẩn bị cho giám sát như (i) Lên chương trình, (ii) Gửi công văn liên hệ địa phương, (iii) Liên hệ bố trí phỏng vấn.

2.2 Thực hiện việc giám sát

Sau khi hoàn thành công tác tổ chức chuẩn bị cho chuyến giám sát thì đoàn tiến hành thực hiện hoạt động giám sát, các bước như sau:

Bước 1: Thu thập số liệu

Đoàn giám sát tiến hành thu thập số liệu dưới 2 hình thức (i) khảo sát trực tiếp tại hiện trường và (ii) khảo sát online.

Ghi chú:

- Sử dụng các công cụ sẵn có tại phụ lục 1 và 2
- Có thể lựa chọn một số chỉ số để giám sát tùy thuộc vào nguồn lực
- Cần hướng dẫn/tập huấn kỹ các công cụ cho các thành viên của đoàn giám sát
- Lịch làm việc với các DN và hộ trồng rừng cần phải bố trí một cách cụ thể
- Tốt nhất là khảo sát lặp lại danh sách các hộ và các DN đã được khảo sát trong database.

Hướng dẫn các công cụ cho các thành viên của đoàn giám sát (Ảnh: SRD)

Bước 2: Nhập số liệu

Số liệu sau khi thu thập được thì cần được nhập để xử lý. Trước khi thực hiện nhập số liệu thì trưởng đoàn phải "làm sạch số liệu"

Số liệu sau khi làm sạch sẽ được đưa vào excel. Để đảm bảo được tính chính xác trong nhập liệu thì các số liệu cần phải được mã hóa. Trong excel việc mã hóa được tiến hành như sau: Chọn define name -> Đặt tên nhóm (không dấu)->Bôi đen vùng cần nhập->Data->Data validation->Setting->List->Source (=Tên nhóm đã được đặt trước đó)->Enter.

Bước 3: Xử lý và phân tích số liệu

Việc xử lý số liệu để chỉ ra sự thay đổi của từng chỉ số trước và sau khi VPA FLEGT được thực hiện (các tham số cho từng chỉ số trước khi thực hiện VPA được lưu giữ trên Website của SRD và trong báo cáo tổng hợp của VNGO FLEGT).

Một số công thức để chỉ ra sự thay đổi so với các chỉ số ban đầu trong database

(CT1) Phần trăm thay đổi = ((N2-N1)/N1))*100

(CT2) Phần trăm thay đổi = (N2/N1-1)*100

Trong đó: N1= Số lượng/Giá trị của chỉ số tại kỳ gốc

N2=Số lượng/Giá trị tại thời điểm khảo sát

Ví dụ: Số doanh nghiệp chế biến gỗ huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ năm 2018 là 12 doanh nghiệp. Năm 2021, khi khảo sát lại thì số doanh nghiệp chế biến gỗ là 16 doanh nghiệp. Vậy nếu áp dụng công thức ta có

CT1=((16-12)/12)) *100 =33%, tương đương 4 doanh nghiệp tăng thêm trong năm 2021 so với năm 2018.

CT2=(16/12-1)*100=33%, tương đương 4 doanh nghiệp tăng thêm trong năm 2021 so với năm 2018.

Đối với các nguồn thu bằng tiền thì giá trị đồng tiền sẽ có sự khác nhau giữa năm gốc và những năm sau đó, do vậy cần quy đổi giá trị đồng tiền bằng công thức sau:

$FV=PV\ (1+r)^n$

Trong đó: - PV: Giá trị dòng tiền hiện tại

- n: Số năm

- r: Lãi suất qua các năm

Ví dụ: Mức lương bình quân của lao động nữ dài hạn hiện nay là 6,1 triệu/tháng. Mức lãi suất bình quân hằng năm là 5%. Vậy giá trị của 6,1 triệu này sau 3 năm sẽ là

$FV=6,1*\ (1+0.05)^3$

FV= 7,06 triệu đồng

Ngoài các chỉ số có thể thu thập từ nguồn số liệu thứ cấp thì cũng có khá nhiều chỉ số sẽ thu thập từ nguồn số liệu sơ cấp. Các số liệu sơ cấp cần phải được xử lý trên các phần mềm khác nhau như SPSS, Exel, Ms. Access…

Ghi chú:

- Cần phần biệt 02 loại biến (1) Biến phân loại hay còn gọi là biến định tính (qualitative variable) và (2) Biến liên tục hay còn gọi là biến định lượng (quantitative variable)

- Trong SPSS biến phân loại thường được định dạng Nominal hay Ordinal, biến liên tục được định dạng Scale.

- Việc phân tích số liệu cần chú ý là số liệu ở dạng phân phối chuẩn (Normal distribution) hay không chuẩn (Non-Normal distribution)

Bước 4: Viết báo cáo

Báo cáo được gửi cho Mạng lưới cơ quan đầu mối của VNGO-FLEGT (hiện nay là SRD) để SRD xem, tổng hợp và chuyển cho Mạng lưới, đồng thời chuyển lên cho các bên chịu trách nhiệm tổ chức điều hành và thực hiện VPA FLEGT (Ủy ban thực thi chung – JIC, tổ công tác kỹ thuật liên ngành – JEM, Văn phòng thường trực hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp, Nhóm nòng cốt đa bên về thực thi VPA FLEGT)

Những nội dung chính trong báo cáo bao gồm: (i) phương pháp thực hiện; (ii) các phát hiện trong quá trình giám sát: những phát hiện này cần được so sánh với các chỉ số đã được thu thập trước đó, cần chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi này so với hiện trạng ban đầu, đâu là các tác động do thực hiện VPA FLEGT mang lại/tạo ra; (iii) những khuyến nghị để hạn chế các tác động tiêu cực và thúc đẩy các tác động tích cực mà VPA/FLEGT tạo ra.

Số liệu thô được lưu trữ online dưới dạng ms.access hay excel để tiếp tục sử dụng cho những lần sau.

Chia sẻ báo cáo khảo sát ban đầu tại các diễn đàn có liên quan (Ảnh: SRD)

PHỤ LỤC 1
PHỎNG VẤN HỘ TRỒNG RỪNG

Thông tin về người phỏng vấn:

Họ và tên người phỏng vấn: ..... Mã số hộ: .....

Ngày phỏng vấn: ..... Bản hỏi số: .....

A. Thông tin chung về hộ trồng rừng và tự khai thác

1. Họ và tên chủ hộ:.....

2. Địa chỉ: Tỉnh ..... Huyện .....Xã .....Thôn .....

3. Giới tính: Nam ❑ ; Nữ ❑

4. Dân tộc: Kinh ❑ ; Khác ❑

5. Trình độ văn hóa:

a. Không biết chữ ❑ ; b. Cấp 1 ❑ ; c. Cấp 2 ❑ ; d. Cấp 3 ❑ ;

e. Đại học ❑ ; f. Khác ❑

6. Năm bắt đầu trồng rừng: .....

7. Họ và tên người được phỏng vấn:.....

8. Giới tính: Nam ❑ ; Nữ ❑

9. Quan hệ với chủ hộ: a. chủ hộ ❑ ; b. Vợ/Chồng ❑ ;

c. Con ❑ ; d. Anh chị em ❑ ; e. Khác ❑

10. Điện thoại: ..... Di động: .....

11. Email: .....

12. Tổng số thành viên trong gia đình: .....

13. Tổng số lao động của gia đình: .....

14. Xếp loại hộ: a. Nghèo ❑ ; b. Cận nghèo ❑ ; c. Không nghèo ❑

B. Thu nhập và việc sử dụng lao động trong trồng rừng của hộ gia đình

15. Diện tích các loại đất của hộ gia đình

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Có giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất		Tên trên giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất		
			Có	Không	Chồng	Vợ	Cả hai
I.	**Đất nông nghiệp**						
1	Đất trồng lúa		❑	❑	❑	❑	❑
2	Đất trồng hoa màu		❑	❑	❑	❑	❑

3	Đất trồng cây dài ngày		❑	❑	❑	❑	❑
4	Đất nuôi trồng thủy sản		❑	❑	❑	❑	❑
II.	**Đất lâm nghiệp**						
1	Thửa 1		❑	❑	❑	❑	❑
2	Thửa 2		❑	❑	❑	❑	❑
3	Thửa 3		❑	❑	❑	❑	❑
III.	**Đất thổ cư (đất ở + đất vườn)**		❑	❑	❑	❑	❑

16. Cơ cấu thu nhập

STT	Nguồn thu nhập	Thành tiền (VND)	Tỷ trọng (%)
1	Nông nghiệp		
2	Lâm nghiệp[1]		
3	Tiền lương		
4	Trợ cấp[2], phụ cấp[3]		
5	Đi làm xa (VD: làm trong các khu công nghiệp tại Hà Nội)		
6	Khác (làm thợ hồ, làm thuê trong các nhà hàng…)		

Ghi chú: Chỉ tính toán trong năm khảo sát, thu nhập không bao gồm chi phí.

17. Số lượng lao động lâm nghiệp phân theo giới trong gia đình

STT	Lao động	Số lượng (Người)	Tổng số tháng làm việc	Đơn giá/1 ngày
1	Lao động nam			
2	Lao động nữ			

Ghi chú: Không tính lao động mà hộ gia đình thuê bên ngoài.

[1] *Chỉ tính khi có bán rừng trong năm khảo sát, thu nhập này bao gồm thu nhập từ làm thuê trong lâm nghiệp, thu hái LSNG*

[2] *Trợ cấp ốm đau,thai sản, hưu trí, thôi việc, mất việc.*

[3] *Phụ cấp khu vực, phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm*

C. Sự dễ dàng trong kinh doanh

I. Sự tuân thủ

18. Ai làm thủ tục cho việc khai thác rừng trồng?

a. Gia đình ❑ (chuyển sang câu 19); b. Thương lái ❑ (chuyển sang câu 20);

c. Không làm ❑

Nếu không làm, vui lòng làm rõ lí do:

.....

.....

19. Nếu gia đình tự làm, vui lòng cho biết hộ có làm các thủ tục sau đây không?

STT	Chỉ số	Có	Không
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất	❑	❑
2	Đăng ký khai thác	❑	❑
3	Bảng kê lâm sản	❑	❑
4	Lưu giữ hồ sơ	❑	❑
5	Nhận xét chung, gia đình đã hiểu rõ về các thủ tục khai thác rừng trồng hay chưa?	❑	❑

20. Nếu thương lái/người mua làm thủ tục, vui lòng cho biết lý do tại sao (có thể chọn nhiều đáp án)?

a. Gia đình không biết cách làm ❑ ; b. Các thủ tục phức tạp ❑ ; c. Khác ❑

Nếu khác, vui lòng làm rõ:

.....

.....

II. Cấp phép/Dịch vụ

21. Đánh giá sự hài lòng đối với chất lượng dịch vụ công

21.1. Tiếp cận thông tin ngành lâm nghiệp của hộ?

STT	Chỉ số	Rất kém	Kém	Bình thường	Tốt	Rất tốt
1	Thông tin được phổ biến thường xuyên trong các cuộc họp dân?	1	2	3	4	5
2	Thông tin được niêm yết đầy đủ tại nơi công cộng trong thôn/xã?	1	2	3	4	5

3	Thông tin được phổ biến thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng (loa đài, tivi)	1	2	3	4	5
4	Phát hành thường xuyên ấn phẩm/Thông tin được đưa lên trang điện tử được cập nhật thường xuyên	1	2	3	4	5
5	Nhận xét chung về vấn đề này	1	2	3	4	5

21.2. Tính công khai, minh bạch đối với các loại phí thu từ khai thác rừng trồng (chỉ áp dụng nếu người dân có nộp phí/lệ phí liên quan đến trồng và khai thác rừng sản xuất)

STT	Chỉ số	Rất kém	Kém	Bình thường	Tốt	Rất tốt	Không áp dụng
1	Công khai về đối tượng quản lý	1	2	3	4	5	99
2	Công khai về mục đích sử dụng	1	2	3	4	5	99
3	Công khai về quy trình sử dụng	1	2	3	4	5	99
4	Công khai định mức chi	1	2	3	4	5	99
5	Nhận xét chung của hộ về vấn đề này	1	2	3	4	5	99

21.3. Trách nhiệm giải trình của các cơ quan chức năng trong việc giải quyết các khiếu nại từ hộ gia đình

21.3 a. Hộ gia đình đã từng có các khiếu kiện/khiếu nại/đề nghị

1. Có ❑ ; 2. Chưa ❑

21.3 b. Nếu có, gia đình đánh giá như thế nào?

STT	Chỉ số	Rất kém	Kém	Bình thường	Tốt	Rất tốt
1	Các khiếu kiện/khiếu nại/đề nghị được phản hồi kịp thời	1	2	3	4	5
2	Các ý kiến được cơ quan chức năng ghi nhận	1	2	3	4	5
3	Nhận xét chung của hộ về vấn đề này	1	2	3	4	5

21.4. Tính phù hợp, dễ hiểu của văn bản, biểu mẫu trong khai thác rừng

STT	Chỉ số	Rất kém	Kém	Bình thường	Tốt	Rất tốt	Không biết
1	Văn bản, biểu mẫu cung cấp thông tin phù hợp	1	2	3	4	5	99
2	Văn bản, biểu mẫu đơn giản, dể hiểu	1	2	3	4	5	99
3	Văn bản biểu mẩu được cung cấp dễ dàng, nhanh chóng	1	2	3	4	5	99
4	Nhận xét chung của hộ về vấn đề này	1	2	3	4	5	99

22. Sự tham nhũng và nhũng nhiễu trong lâm nghiệp

STT	Chỉ số	Rất cao	Cao	Trung bình	Thấp	Rất thấp	Không có	Không biết
1	Thực thi	5	4	3	2	1	0	99
2	Khai thác gỗ	5	4	3	2	1	0	99
3	Trong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay các giấy tờ hợp lệ khác	5	4	3	2	1	0	99

D. Nhu cầu thị trường

I. Tiếp cận thị trường

23. Gia đình có bán gỗ trực triếp cho doanh nghiệp chế biến gỗ không? (chỉ áp dụng cho hộ tự làm thủ tục khai thác, không áp dụng cho đối tượng hộ chưa bao giờ bán gỗ rừng trồng)?

a.Có ❑ ; b. Không ❑

24. Gia đình bán gỗ cho các DN như thế nào/bằng cách nào?

.....

.....

25. Gia đình biết gỗ của mình được tiêu thụ ở đâu không? thị trường cuối cùng của sản phẩm gỗ của họ là ở đâu?

a. Trong nước ❑ ; b Ngoài nước ❑ ; c. Không biết ❑ vui lòng làm rõ tại sao

.....

.....

.....

II. Nhu cầu thị trường và quan hệ mua bán.

26. Gia đình có biết rõ thông tin về những thương lái mua gỗ của hộ gia đình.

STT	Chỉ số	Rõ	Một phần	Không rõ
1	Ai mua	❑	❑	❑
2	Họ ở đâu	❑	❑	❑
3	Bao nhiêu năm kinh nghiệm	❑	❑	❑
4	Họ đã làm gì sau khi mua gỗ	❑	❑	❑
5	Cách họ mua	❑	❑	❑
6	Nhận xét chung, gia đình biết rõ thông tin về những người khác nhau mua gỗ của họ	❑	❑	❑

27. Gia đình có biết rõ nhu cầu thị trường về sản phẩm gỗ rừng trồng?

STT	Chỉ số	Rõ	Một phần	Không rõ
1	Giá 1 ha rừng trồng qua các năm khác nhau	❑	❑	❑
2	Tiêu chuẩn thị trường mua gỗ với mục đích khác nhau	❑	❑	❑
3	Sự tăng giảm số lượng của các chủng loại gỗ khác nhau	❑	❑	❑
4	Tiêu chuẩn gỗ để bán được giá cao	❑	❑	❑
5	Nhận xét chung, gia đình biết rõ thông tin về nhu cầu thị trường?	❑	❑	❑

28. Phân loại cây gỗ để bán cho các mục đích khác nhau?

28.1 Gia đình có phân loại gỗ để bán không? : a.Có ❑ ; b. Không ❑

Nếu không thì vì sao?.....

.....

.....

28.2 Nếu có thì cho những mục đích nào?

STT	Chỉ số	Có	Không
1	Gỗ dăm	❑	❑
2	Gỗ bóc	❑	❑
3	Gỗ ghép thanh	❑	❑

4	Nhận xét chung, gia đình biết rõ thông tin về các mục đích sử dụng khác nhau của gỗ rừng trồng?	❑	❑

29. Ý kiến đề xuất của hộ gia đình về các vấn đề liên quan đến hỗ trợ phát triển rừng bền vững:

.....

.....

.....

.....

30. Ghi chú về cuộc phỏng vấn:

.....

.....

.....

.....

--- Cảm ơn! ---

PHỤ LỤC 2

PHỎNG VẤN DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN GỖ QUY MÔ NHỎ VÀ SIÊU NHỎ

Thông tin về người phỏng vấn:

Họ và tên: ..... Mã số DN: .....

Thời gian phỏng vấn: ..... Phiếu phỏng vấn số: .....

A. Thông tin chung về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp (DN): .....

2. Địa chỉ: Tỉnh ..... Huyện..... Xã ..... Thôn .....

3. Năm thành lập doanh nghiệp: .....

4. Loại hình DN: a. DN nhỏ[4] ❑ ; b. DN siêu nhỏ[5] ❑

5. Họ và tên chủ DN: _____

6. Giới tính: a. Nam ❑ ; b. Nữ ❑ ; c. Khác……

7. Dân tộc: a. Kinh ❑ ; b. Khác ❑ (vui lòng ghi rõ: .....)

8. Trình độ văn hóa: a. Không biết chữ ❑ ; b. Cấp 1 ❑ ; c. Cấp 2 ❑ ; d. Cấp 3 ❑ ; e. Đại học ❑ ; f. Khác ❑ (vui lòng làm rõ)

.....

.....

9. Họ và tên người được phỏng vấn: .....

10. Giới tính: a. Nam ❑ ; b. Nữ ❑; c. Khác……

11. Quan hệ với chủ DN:

a. chủ DN ❑; b. Vợ/Chồng ❑; c. Con ❑; d. Anh chị em ❑;

e. Khác ❑ (làm rõ:.....)

12. Điện thoại: ..... Di động:.....

13. Email: .....

---

[4] *DN nhỏ là DN có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng*

[5] *DN siêu nhỏ là DN số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng*

B. Thông tin về thu nhập và lao động của DN

14. Các sản phẩm chế biến của DN tại thời điểm thực hiện phỏng vấn (tấn) :

a. Gỗ dăm.....; b. Gỗ bóc.....;

c. Gỗ ghép thanh/Gỗ quy cách.....; d. Gỗ khác (.....) .....

15. Thông tin về người lao động làm việc cho DN tại thời điểm thực hiện phỏng vấn:

STT	Loại lao động	Số lượng (Người)	Trung bình số tháng có việc làm mỗi năm	Lương bình quân (VND/ tháng)
1	Lao động dài hạn (>60% thời gian)			
1.1	- Nam			
1.2	- Nữ			
2	Lao động thời vụ (<60% thời gian)			
2.1	- Nam			
2.2	- Nữ			

C. Sự dễ dàng trong kinh doanh

I. Tính tuân thủ gỗ hợp pháp

16. Mức độ về tính tuân thủ các quy định thủ tục pháp lý về thành lập của DN. Nếu được, vui lòng cho xem các bằng chứng:

STT	Chỉ số	Có	Không	Thỉnh thoảng	Đã xem bằng chứng
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	❑	❑	❑	❑
2	Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	❑	❑	❑	❑
3	Quy định về phòng chống cháy	❑	❑	❑	❑
4	Số theo dõi xuất, nhập lâm sản	❑	❑	❑	❑
5	Nhận xét chung: DN đã tuân thủ hoàn toàn quy thủ tục pháp lý thành lập DN	❑	❑		

Trong trường hợp, DN không tuân thủ hay thỉnh thoảng tuân thủ bất kỳ quy định nào, vui lòng làm rõ lý do tại sao DN không tuân thủ:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

17. Mức độ tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ đưa vào chế biến của DN. Nếu được, vui lòng cho xem bằng chứng:

STT	Chỉ số	Có	Không	Thỉnh thoảng	Đã xem bằng chứng	Không áp dụng
1	Hóa đơn VAT nếu gỗ được mua từ các tổ chức.	❑	❑	❑	❑	❑
2	Bảng kê lâm sản (bắt buộc)	❑	❑	❑	❑	❑
3	Biên bản xác nhận gỗ đóng búa kiểm lâm đối với gỗ xử lý, tịch thụ	❑	❑	❑	❑	❑
4	Biên bản xác nhận gỗ đóng búa kiểm lâm đối với gỗ tròn có đường kính đầu lớn >= 25cm, chiều dài >= 1m và gỗ xẻ, gỗ đẽo hộp tại rừng có chiều dài từ 1 m trở lên, chiều dày từ 5 cm trở lên và chiều rộng từ 20 cm trở lên được khai thác từ rừng tự nhiên và gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm được khai thác từ rừng trồng	❑	❑	❑	❑	❑
5	Mức độ tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ đưa vào chế biến của DN.	❑	❑			

Trong trường hợp, DN không tuân thủ hay thỉnh thoảng tuân thủ bất kỳ quy định nào, vui lòng làm rõ lý do tại sao DN không tuân thủ:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

18. Tình trạng tuân thủ quy định về thuế của DN. Nếu được, vui lòng cho xem bằng chứng:

STT	Chỉ số	Có	Không	Thỉnh thoảng	Đã xem bằng chứng	Không áp dụng
1	Tuân thủ quy định pháp luật về kê khai, đăng ký và nộp thuế	❑	❑	❑	❑	❑
2	Không có trong danh sách công khai thông tin tổ chức, cá nhân kinh do-anh có dấu hiệu rủi ro về thuế	❑	❑	❑	❑	❑
3	Nhận xét chung: DN đã tuân thủ hoàn toàn quy định này (dành cho điều tra viên)	❑	❑			

Trong trường hợp, DN không tuân thủ hay thỉnh thoảng tuân thủ bất kỳ quy định nào, vui lòng làm rõ lý do tại sao DN không tuân thủ:

.....

.....

.....

.....

19. Tình trạng tuân thủ quy định về lao động của DN. Nếu được, vui lòng cho xem bằng chứng:

STT	Chỉ số	Có	Không	Thỉnh thoảng	Đã xem bằng chứng	Không áp dụng
1	Hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp với người lao động	❑	❑	❑	❑	❑
2	DN có thành lập tổ chức Công đoàn	❑	❑	❑	❑	❑
3	DN có kế hoạch vệ sinh an toàn lao động	❑	❑	❑	❑	❑
4	Nhận xét chung: DN đã tuân thủ hoàn toàn quy định này (quy định nào? (dành cho điều tra viên)	❑	❑			

Trong trường hợp, DN không tuân thủ hay thỉnh thoảng tuân thủ bất kỳ quy định nào , vui lòng làm rõ lý do tại sao DN không tuân thủ:

.....

.....

.....

20. Tình trạng tuân thủ luật bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế của DN. Nếu được, vui lòng cho xem bằng chứng

STT	Chỉ số	Có	Không	Thỉnh thoảng	Đã xem bằng chứng	Không áp dụng
1	DN đóng BHXH cho người lao động có hợp đồng từ 01 tháng trở lên	❑	❑	❑	❑	❑
2	DN đóng BHYT cho người lao động có hợp đồng từ 3 tháng trở lên	❑	❑	❑	❑	❑
3	DN đóng BHTN cho người lao động có hợp đồng từ đủ 03 tháng trở lên	❑	❑	❑	❑	❑
4	Nhận xét chung: DN đã tuân thủ hoàn toàn quy định về BHYT, BHXH, và BHTN	❑	❑			

Trong trường hợp, DN không tuân thủ hay thỉnh thoảng tuân thủ bất kỳ quy định nào, vui lòng làm rõ lý do tại sao DN không tuân thủ:

.....

.....

.....

.....

II. Cấp phép/Dịch vụ

21. Đánh giá sự hài lòng đối với chất lượng dịch vụ công

21.1 Mức độ tiếp cận thông tin ngành lâm nghiệp của DN:

STT	Chỉ số	Rất kém	Kém	Bình thường	Tốt	Rất tốt
1	Thông tin được phổ biến thường xuyên cho các DN trong các cuộc họp	1	2	3	4	5
2	Thông tin được niêm yết đầy đủ tại nơi công cộng	1	2	3	4	5
3	Thông tin được phổ biến thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng (loa đài, tivi)	1	2	3	4	5
4	Thông tin được đưa lên trang điện tử được cập nhật thường xuyên	1	2	3	4	5

5	Nhận xét chung về vấn mức độ tiếp cận thông tin ngành lâm nghiệp của DN	1	2	3	4	5

21.2. Tính/mức độ công khai và minh bạch đối với các loại phí liên quan đến sản xuất và chế biến gỗ

STT	Chỉ số	Rất kém	Kém	Bình thường	Tốt	Rất tốt
1	Công khai về mức thu phí	1	2	3	4	5
2	Công khai về mục đích sử dụng	1	2	3	4	5
3	Công khai về quy trình sử dụng	1	2	3	4	5
4	Nhận xét chung của hộ về Tính/mức độ công khai và minh bạch đối với các loại phí thu từ khai thác rừng trồng	1	2	3	4	5

21.3. Trách nhiệm giải trình của các cơ quan thẩm quyền trong việc giải quyết các khiếu nại từ doanh nghiệp.

21.3 a. Doanh nghiệp đã từng có các khiếu kiện/khiếu nại/đề nghị a. Có ❑ ; b. Chưa ❑

21.3 b. Nếu có, doanh nghiệp đánh giá như thế nào về trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước?

STT	Chỉ số	Rất kém	Kém	Bình thường	Tốt	Rất tốt
1	Các khiếu kiện/khiếu nại/đề nghị được phản hồi kịp thời	1	2	3	4	5
2	Các ý kiến được cơ quan chức năng ghi nhận	1	2	3	4	5
3	Nhận xét chung của DN về trách nhiệm giải trình của các cơ quan thẩm quyền	1	2	3	4	5

21.4. Tính phù hợp và dễ hiểu của văn bản, biểu mẫu liên quan đến sản xuất và chế biến gỗ

STT	Chỉ số	Rất kém	Kém	Bình thường	Tốt	Rất tốt
1	Văn bản, biểu mẫu cung cấp thông tin phù hợp	1	2	3	4	5

2	Văn bản, biểu mẫu đơn giản, dể hiểu	1	2	3	4	5
3	Văn bản biểu mẩu được cung cấp dễ dàng, nhanh chóng	1	2	3	4	5
4	Nhận xét chung	1	2	3	4	5

21.5 Mức độ tham nhũng và nhũng nhiễu trong việc thực thi hoạt động lâm nghiệp liên quan đến hoạt động sản xuất và chế biến gỗ.

STT	Chỉ số	Rất cao	Cao	Trung bình	Thấp	Rất thấp	Không có	Không biết
1	Thực thi luật	5	4	3	2	1	0	99
2	Hỗ trợ chính sách công	5	4	3	2	1	0	99
3	Trong cấp giấy phép	5	4	3	2	1	0	99
4	Nhân xét chung	5	4	3	2	1	0	99

D. Tiếp cận thị trường

22. Nhận xét về DN có đang dùng gỗ hợp pháp?

a. Có ❑ ; b. Không ❑ ; c. Cả hai ❑

23. Hỏi DN họ bán sản phẩm cho thị trường nào:

a. Trong nước ❑ ; b. Xuất khẩu ❑

24. Hỏi DN số giá thu mua gỗ cho 1 tấn keo dùng cho :

Gỗ dăm ..... Gỗ bóc và ép..... Gỗ ghép thanh/gỗ quy cách.....

25. Hỏi DN số lượng khách hàng trong nước mà DN đã và đang tiếp cận: .....

26. Hỏi DN số lượng khách hàng nước ngoài mà DN đã và đang tiếp cận: .....

Ý kiến đề xuất của DN: .....

.....

.....

.....

Ghi chú về cuộc phỏng vấn: .....

.....

.....

.....

--- Cảm ơn! ---

MANUAL

VPA FLEGT IMPACT MONITORING FOR CIVIL SOCIETY ORGANIZATIONS

SRD
Sustainable Rural Development

VNGO FLEGT

Hanoi, May 5/2019

ABBREVIATIONS

EU	European Union
FAO	Food and Agriculture Organization of the United Nations
FLEGT	Forest Law Enforcement, Governance, and Trade
FORMIS	Forest Management Information System
PD	Primary Data
SD	Secondary Data
VPA	Voluntary Partnership Agreement

INTRODUCTION

The European Union and the Government of Vietnam have signed the VPA-Voluntary Partnership Agreement, and FLEGT licenses are planned to be issued in 2020. When implementing the VPA, products derived from timber, whether sold in the domestic or international market, must be guaranteed to be made from legal sources and must be controlled and managed through the Vietnam Timber Legality Assurance System (VNTLAS). Positive and negative impacts from the VPA are inevitable and need to be monitored.

In order to support the monitoring of VPA impact, funded by FAO-FLEGT, the Centre for Sustainable Development (SRD), based on its experiences in conducting the VPA Impact Monitoring baseline survey, has compiled this Manual "VPA FLEGT Impact Monitoring for Civil Society Organization"

Purpose

This Manual provides a framework to implement monitoring of the impact of the VPA FLEGT on two target groups (i) forest plantation households and (ii) small & micro-sized timber processing enterprise.

Who uses the manual?

The civil society organizations and others that are interested in monitoring the VPA FLEGT impact.

Content

The manual is divided into two main parts.

- PART I: GENERAL INTRODUCTION ABOUT VPA FLEGT IMPACT MONITORING

  Introduction of basic information about VPA FLEGT impact monitoring

- PART II: ORGANIZATION AND IMPLEMENTATION MONITORING

  Provide framework for organizing, and the steps to conduct, the VPA FLEGT impact monitoring.

TABLE OF CONTENTS

INTRODUCTION ii

TABLE OF CONTENTS iii

PART 1: INTRODUCTION ABOUT VPA-FLEGT IMPACT MONITORING 1

1.1 The types of VPA monitoring 1

1.2 What is VPA FLEGT impact monitoring? 1

1.2 Target groups of VPA FLEGT impact monitoring 1

1.4 Impact areas 2

1.5 Indicators used for monitoring 2

1.6 The Framework for VPA FLEGT impact monitoring 5

PART II: ORGANIZATION AND IMPLEMENTATION OF MONITORING 5

2.1 Organization of monitoring 5

2.2 Implementation of monitoring 5

- Annex 1 9
- Annex 2 15

PART 1: INTRODUCTION ABOUT VPA-FLEGT IMPACT MONITORING

1.1 The types of VPA monitoring

According to EUFLEGT-Facility (2016), there are different approaches to monitoring the implementation and impact of the VPA. Generally, the VPA has four major types of monitoring.

- Independent auditing
- Independent observation
- Independent market monitoring
- Impact monitoring

1.2 What is VPA FLEGT impact monitoring?

VPA FLEGT impact monitoring is designed to evaluate the economic, social, and environmental effects of the VPA implementation. The VPA FLEGT impact monitoring detects the unintended adverse effects for stakeholders in order to address and mitigate them in line with a VPA article on social safeguards.

The article 16 of the VPA states *"in order to minimize possible adverse effects of the Agreement; the parties will assess the impacts on ethnic minorities and local communities concerned and on their way of life, as well as on households and the timber industry."*

1.3 Target groups of VPA FLEGT impact monitoring

According to Article 16 of the VPA, the target groups for monitoring are quite diverse. Within the framework of this Manual, there are two target groups selected for monitoring of the VPA FLEGT impact (include Kinh and Ethnic minorities), they are:

- Forest plantation household
- Small & micro-sized timber processing enterprise.
- Regarding the small & micro-sized timber processing enterprise, the characteristics of this subject are defined by the Decree 39/2018/NĐ-CP as below:
- Micro-sized enterprise: The number of workers who participate in social insurance is <10 persons, the turnover does not exceed VND 3 billion or the total capital is not over VND 3 billion.
- Small enterprise: The number of workers who participate in social insurance is <10 persons, the turnover does not exceed VND 50 billion or total capital is not over VND 20 billion.

1.4 Impact areas

There have been three primary areas, which have been used for VPA FLEGT impact monitoring in this project;

1.5 Indicators used for monitoring

1.5.1 Indicators for income monitoring

Indicators	Tools	Sources
Forest plantation households		
Average production forest area of a household	Secondary data	FORMIS
Average timber reserve of production forest of household	Secondary data	FORMIS
Number of households with forest land use certificate	Secondary data	FORMIS
Number of households with large timber	Secondary data	FORMIS
Percentage of average household's income derived from forest	Primary data	Forest Household
Small and micro-sized timber processing enterprise		
Average number of long-term employee and average salary in enterprises	Interview	Timber Business Owner
Average number of short-term employee and average wage in enterprises	Interview	Business owner
Number of enterprises and processing facilities	Interview	Forest Protection Department

1.5.2 Indicators for ease of doing business monitoring

Indicators	Tools	Sources
Forest plantation household		
Number of households who self-carry out forest exploitation procedure	Interview	Forest household
Number of households who completely comply with the regulations on production forest exploitation	Interview	Forest household
Household perspective on the quality of public service	Interview	Forest household
Household perspective on demanding to get under the table payment in forest planting.	Interview	Forest household
Small and micro-sized timber processing enterprise		
Number of enterprises that fully comply with regulation on enterprise establishment	Interview	Timber Business Owner
Number of enterprises that fully comply with regulation on origin of timber for processing	Interview	Timber Business Owner
Number of enterprises that fully comply with regulation on tax	Interview	Timber Business Owner
Number of enterprises that fully comply with regulation on labour		
Enterprise perspective on the quality of public service	Interview	Timber Business Owner
Enterprise perspective on the demanding to get under the table payment in timber processing.	Interview	Timber Business Owner

1.5.3 Indicator for market monitoring

Indicators	Tools	Sources
Forest plantation household		
Number of households who directly self-sell timber to enterprise	Interview	Forest Household
Number of households who understand well the market requirement	Interview	Forest Household

Number of households who are well informed as to the final destination of their forest timber	Interview	Forest Household
Number of households who are well informed as about the traders	Interview	Forest Household
Small and micro-sized timber processing enterprise		
Number of tons of production forest timber purchased on average by the enterprise	Interview	Timber Business Owner
The average price for one ton of production forest timber	Interview	Timber Business Owner
Number of enterprises that self-export to overseas market	Interview	Timber Business Owner
Average customers in an enterprise	Interview	Timber Business Owner

1.6 The Framework for VPA FLEGT impact monitoring

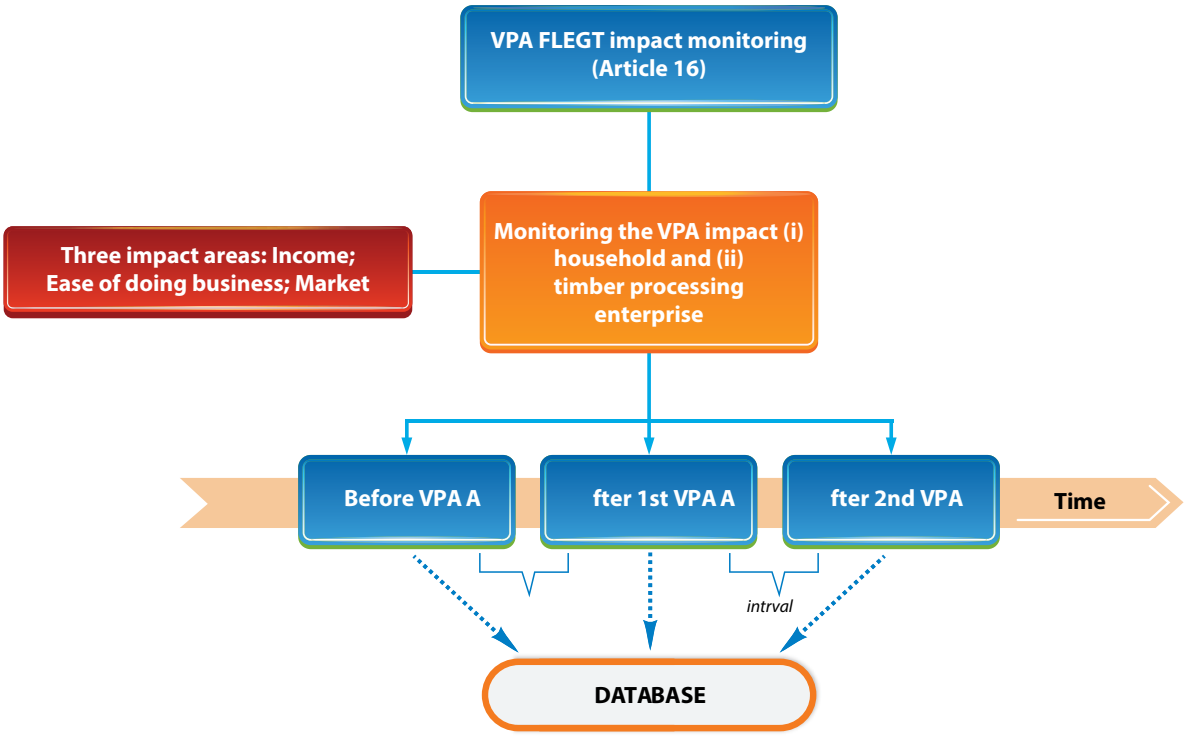

PART II: ORGANIZATION AND IMPLEMENTATION OF MONITORING

2.1 Organization of monitoring

The CSOs/other organizations establishes a team of 5-7 members, including one team leader, one vice team leader, and one secretary.

The team leader assigns the task for each member in the team, making a plan to prepare before the field-survey (i) making a schedule; (ii) sending the official letter to local authorities; (iii) connecting with enterprise owner and local people.

2.2 Implementation of monitoring

After finishing the preparation for the field-survey, the team follows steps as described in more detail below:

Step 1: Data collection

The team carries out data collection through two methods: (i) field-survey and (ii) online-survey.

Note:

- Use the available tools from annex 1 and annex 2
- Depending on the human and financial resource of the team; the team could select several indicators for monitoring
- The team leader should deliver training for all members before starting the survey
- The working schedule should be specific and detailed, in particular to business owners as they are very busy
- Repeat the survey with households and business owners who have been interviewed and their name was listed in the baseline data
- The first time a survey is undertaken, it should be utilized as a baseline survey to establish a starting point for data and information against which future developments can be measured.

Training for baseline assessment team (Photo: SRD)

Step 2: Data entry

After data collection, the data should be double checked and cleaned before entering into the computer. The team leader is the final person who approves the data

To ensure the precision of data, it should be entered to excel first, in the excel file data can be code as follow: Define name -> name the group-> chose the selected area->Data->Data validation->Setting->List->Source ->Enter.

Step 3: Data processing and analysis

Data processing and analysis to indicate the change of each indicator before and after VPA implementation (Please note that data for each indicator is on the website of SRD).

The following formulates to indicate the change in comparison before and after VPA:

(F1) Percentage of change = ((N2-N1)/N1))*100 or (F2) Percentage of change = (N2/N1-1)*100

In which: N1= Number/Value of the indicators before

N2= Number/Value of the indicators before

Example: Number of timber processing enterprises in the year 2018 of Phu Tho province is 12 enterprise. In the year 2021, the number of timber processing enterprise increase 16 enterprises. Application of the two formulates

F1=((16-12)/12)) *100 =33%, there are more than 4 enterprises in 2021 compared to 2018.

F2=(16/12-1)*100=33%, there are more than four enterprises in 2021 compared to 2018.

The value of money among each year will vary so that it is needed to convert the value of money to compare by the formulate

$FV=PV\ (1+r)^n$

In which: - PV: The value of money from the beginning year

- n: Number of years

- r: Interest

For instance: The monthly salary, on average, was 6.1 million VND in 2018. The interest is 5% for each year. The value of the money in 2021 is

$FV=6,1*\ (1+0.05)^3$

FV= 7,06 million VND

Apart from the secondary data, there are also many data that have to collect from the primary data. Excel or SPSS can analyze primary data.

Noted:

- Clarify two kinds of variables: (1) qualitative variables and (2) quantitative variables
- In SPSS, the classified variable is often formatted Nominal or Ordinal, and the continuous variable is formatted Scale.
- The data analysis should pay attention to identify whether data is a normal distribution or non-normal distribution to select the appropriate function.

Step 4: Report writing

Sending the report to the Chair of VNGO-FLEGT Network (which currently is SRD), the Chair then reviews and sends it to the Network members, as well as submits it to Vietnam Administration of Forestry (VNFOREST).

The main contents in the VPA FLEGT impact monitoring report should include: (i) methodology; (ii) the key findings: these findings have to compare with baseline survey or previous collected data, indicate the reasons of change and which change is caused by VPA FLEGT; (iii) the recommendations to mitigate and reduce the adverse effects of VPA FLEGT as well as enhance the benefit of it.

The collected data should be stored for further monitoring.

Sharing baseline report at relevant events (Photo: SRD)

ANNEX 1
FOREST PLANTATION HOUSEHOLD INTERVIEW

Information about interviewer:

Full name of interviewer: ..... Household code: .....

Date: ..... Questionnaire no: .....

A. Information about the household (HH)

1. Full name of HH head: .....

2. Address: Province..... District .....Commune ..... Village .....

3. Gender: a. Male ❑ ; b. Female ❑

4. Ethnicity: a. Kinh ❑ ; b. Other ❑

5. Education: a. Illiterate ❑ ; b. Primary school ❑ ; c. Secondary school ❑; d. High school ❑ ; e. University ❑ ; f. Other ❑

6. Year of starting forest plantation: .....

7. Full name of the interviewee: .....

8. Full name of HH head: .....

9. Relationship with HH head: a. Head of HH ❑; b. Wife/Husband ❑ ; c. Son/Daughter ❑ ; d. Sister/Brother ❑ ; e. Other ❑

10. Phone number:..... Telephone number: .....

11. Email:.....

12. Number of family member:.....

13. Number of major labour of HH: .....

14. Household type: a. Poor ❑ ; b. Near poor ❑ ; c. Non poor ❑

B. Income and labor used in household

15. The area of land types of the HH

No	Type of land	Area (ha)	LURC		Name in the LURC		
			Yes	No	Husband	Wife	Both
I.	**Agriculture land**						
1	Paddy land		❑	❑	❑	❑	❑

2	Cropland		❑	❑	❑	❑	❑
3	Permanent land		❑	❑	❑	❑	❑
4	Aquaculture land		❑	❑	❑	❑	❑
II.	**Forestry land**						
1	Lot 1		❑	❑	❑	❑	❑
2	Lot 2		❑	❑	❑	❑	❑
3	Lot 3		❑	❑	❑	❑	❑
III.	**Resident land**		❑	❑	❑	❑	❑

16. Structure of income

No	Source of income	Money (VND)	Percentage (%)
1	Agriculture		
2	Forestry		
3	Wages		
4	Allowance		
5	Distant labor		
6	Others		

Note: Only calculate the money in the year 2018, the income does not include the cost.

17. Number of labor in forestry by gender

No.	Type of labor	Amount (Person)	Average monthly	Monet/day
1	Female			
2	Male			

C. Ease of doing business

I. Compliance

18. Who do the procedures for exploiting the forest? a. Household ❑ (Move to Q.19);

b. Trader ❑ (Move to Q.20); c. Do not carry out ❑

If did not do it, please clarify:

.....

.....

19. If the household did it, please list the procedures you had done for exploiting the forest?

No	Indicators	Yes	No
1	Forest LURC or valid land use documents	❑	❑
2	Exploiting register	❑	❑
3	Packing list	❑	❑
4	Procedure storage	❑	❑
5	In general, does the household well know about the procedure of exploiting the forest	❑	❑

20. If the trader did procedure, why?

a. Do not know how to do ❑ ; b. The procedure is complicated ❑ ; c. Other ❑

If other, please clarify:

.....

.....

II. Permit/service

21. What does Household's perception on permit/support from functional agencies

21.1. Household knows where and how to obtain forestry-related information?

No.	Indicator	Very poor	Poor	Neutral	Good	Very good
1	Where to access	1	2	3	4	5
2	What to access	1	2	3	4	5
3	How to access	1	2	3	4	5
4	Where to ask from	1	2	3	4	5
5	In general, comment of the HH for this matter	1	2	3	4	5

21.2. The transparency of the fee collected from exploiting of plantation timber

No.	Indicator	Very poor	Poor	Neutral	Good	Very good	N/A
1	Who manages	1	2	3	4	5	99
2	For what purpose	1	2	3	4	5	99
3	How to use		2	3	4	5	99
4	How much		2	3	4	5	99
5	In general, comment of the HH for this matter	1	2	3	4	5	99

21.3. Accountability of functional agencies in responding to the complaint from HH

21.3 a. Does HH has any complaint? 1. Yes ❑ ; 2. No ❑

21.3 b. If yes, how does HH evaluate the response from functional agencies?

No.	Indicator	Very poor	Poor	Neutral	Good	Very good
1	The timely response of the government	1	2	3	4	5
2	The effectiveness in dealing with HH's complains	1	2	3	4	5
3	In general, comment of the HH for this matter	1	2	3	4	5

21.4. Documents, forms that provide appropriate and understandable information

No.	Indicator	Very poor	Poor	Neutral	Good	Very good	N/A
1	The documents and forms provided are appropriate information	1	2	3	4	5	99
2	The documents and forms provided are easy to understand	1	2	3	4	5	99
3	The documents and forms provided are immediately	1	2	3	4	5	99
4	In general, comment of the Household for this matter	1	2	3	4	5	99

22. The level of corruption in the forestry

No.	Indicators	Very high	High	Moderate	Low	Very low	No corrupt	Do not know
1	Law enforcement	5	4	3	2	1	0	99
2	Timber logging	5	4	3	2	1	0	99
3	Issuerance of land use right certificate	5	4	3	2	1	0	99

D. Market

I. Market access

23. Does household sell timber to enterperise directly? a.Yes ❑ ; b. No ❑

24. How does the household sell timber?

.....

.....

25. Does household know the final market of their timber? a. Domestic ❑ ; b. Export ❑ ;
c. Does not know (please clarify) ❑

.....

.....

.....

II. Market demand and relationship

26. Does household have the information enough about different buyer of their timber?

No.	Indicator	Clear	A little	Not clear
1	Who buys	❑	❑	❑
2	Where are they	❑	❑	❑
3	How many year experiences	❑	❑	❑
4	What did they do after buying the timber	❑	❑	❑
5	Purchased way	❑	❑	❑
6	In general, does the household know clearly information about different buyers?	❑	❑	❑

27. Does household know the market demand for plantation timber?

No.	Indicator	Clear	A little	Not clear
1	Price for 1 ha of plantation forest in different time of year	❑	❑	❑
2	The market standard for buying timber with different purpose	❑	❑	❑
3	The increase/decrease volume of diiferent timber species	❑	❑	❑
4	The standard for buying timber with high price	❑	❑	❑
5	In general, does the househol know well market demand?	❑	❑	❑
6	In general, does the household know clearly information about different buyers?	❑	❑	❑

28. Classify timber for selling at difrent purpose?

28.1 Does household sell timber for different products? : a.Yes ❑ ; b. No ❑

If no, why?.....

.....

.....

.....

.....

28.2 If yes, for what?

No.	Indicators	Yes	No
1	Woodchip	❑	❑
2	Sawn timber	❑	❑
3	Peeled timber	❑	❑
4	In general, does the household know cleally information about different purposes of plantation timber?	❑	❑

29. Recommendation of HH:

.....

.....

.....

.....

30. Notes and comments about the interview:

.....

.....

.....

.....

--- Thank you! ---

ANNEX 2

SMALL AND MICRO-SIZED TIMBER PROCESSING ENTERPRISE INTERVIEW

A. Information about interviewer:

B. Full name of interviewer:..... Enterprise code: .....

C. Date: ..... Questionnaire no:.....

D. Information about Small and Micro-Sized timber processing enterprise (SmE)

1. Name of SmE: .....
2. Address: Province ..... District ..... Commune ..... Village.....
3. Year of establishment: .....
4. Type of enterprise: a. Small ❑ ; b. Micro ❑
5. Full name of business owner: .....
6. Gender: a. Male ❑ ; b. Female ❑ ; c. Other……
7. Ethnicity: a. Kinh ❑ ; b. Other ❑
8. Education: 1. Illiterate ❑ ; b. Primary school ❑ ; c. Secondary school ❑ ; d. High school ❑ ; e. University ❑ ; f. Other ❑
9. Full name of the interviewee: .....
10. Gender: a. Male ❑ ; b. Female ❑ ; c. Other……
11. Relationship with business owner: a. Head of HH ❑ ; b. Wife/Husband ❑ ; c. Son/Daughter ❑ ; d. Sister/Brother a ❑ ; e. Other ❑
12. Phone number: ..... Telephone number: .....
13. Email: .....

E. Income

14. The current products of the SmE (ton):

    a. Woodchip..... ; b. Sawn-timber ..... ; c. Peeled timber ..... ;

    d. Other (.....).....

15. Ask the SmE information about labour.

No.	Type of labor	Amount (Person)	Average number of working months annually	Average monthly salary (VND)
1	Permanent labor (>60% of the time)			
1.1	- Male			
1.2	- Female			
2	Temporary labor (<60% of the time)			
2.1	- Male			
2.2	- Female			

F. Ease of doing business

III. Compliance

16. Ask SmE about status of compliance with legal paperwork regulations:

No	Indicators	Yes	No	Sometime	Evidence seen
1	Business registration certificate	❑	❑	❑	❑
2	Regulations on fire prevention and firefighting	❑	❑	❑	❑
3	Regulations on labor safe	❑	❑	❑	❑
4	The log-book	❑	❑	❑	❑
5	In general, does the SmE fully comply with this regulation?	❑	❑		

If no or sometime, please clarify:

.....

.....

.....

.....

.....

17. Ask SmE about status of compliance with regulations on origin of timber processed. If Yes, please show evidence

No	Indicators	Yes	No	Some-times	Evidence seen	NA
1	VAT invoices if timber purchased from the organization	❑	❑	❑	❑	❑
2	Packing list	❑	❑	❑	❑	❑
3	Log-books (import and export management books)	❑	❑	❑	❑	❑
4	In general, does the SmE fully comply with this regulation?	❑	❑	❑	❑	❑

If no or sometime, please clarify:

.....

.....

.....

18. Ask SmE about status of compliance with regulations on tax. If Yes, please show evidence

No	Indicators	Yes	No	Some-times	Evidence seen	NA
1	Comply with the regulation about tax registration and payment	❑	❑	❑	❑	❑
2	No name in the public list of enterprises that have risky with tax.	❑	❑	❑	❑	❑
3	In general, does the SmE fully comply with this regulation?	❑	❑			

If no or sometime, please clarify:

.....

.....

.....

19. Ask SmE about status of compliance with regulations on labour. If yes, please show evidence

No	Indicators	Yes	No	Some-times	Evidence seen	NA
1	Having a contract between employee and employer	❑	❑	❑	❑	❑
2	The enterprise establishes trade union organization	❑	❑	❑	❑	❑

3	The enterprise has hygiene and labor safety plan	❑	❑	❑	❑	❑
4	In general, does the SmE fully comply with this regulation?	❑	❑			

If no or sometime, please clarify:

.....

.....

.....

20. Ask SmE about status of compliance with social insurance and health insurance. If yes, please show evidence

No	Indicators	Yes	No	Some-times	Evidence seen	NA
1	The enterprise pay social insurance for employees who work for more than 1 month	❑	❑	❑	❑	❑
2	The enterprise pay health insurance for employees who signed a contract for more than 3 months	❑	❑	❑	❑	❑
3	The enterprise pay unemployment for employees who have a contract of full 3 months or more	❑	❑	❑	❑	❑
4	In general, does the SmE fully comply with this regulation?	❑	❑			

If no or sometime, please clarify:

.....

.....

.....

IV. Permit/service

21. What does SmE's perception on permit/support from Gov. Functional agencies

21.1 The level of access forestry-related information:

No.	Indicator	Very poor	Poor	Neutral	Good	Very good
1	The information is regularly dis-seminated in the meeting	1	2	3	4	5
2	The information is fully posted in public places	1	2	3	4	5

3	The information is regularly disseminated in the mass media	1	2	3	4	5
4	The information is regularly updated on the website	1	2	3	4	5
5	In general, comment of the SmE for this matter	1	2	3	4	5

21.2. The transparency of the fee collected from timber processing

No.	Indicator	Very poor	Poor	Neutral	Good	Very good
1	How much	1	2	3	4	5
2	For what purpose	1	2	3	4	5
3	How to use	1	2	3	4	5
4	In general, comment of the SmE for this matter	1	2	3	4	5

21.3. Accountability of functional agencies in responding to the complaints from SmE

21.3 a. Does the enterprise has complaints ever to functional agencies?

a. Yes ❑ ; b. No ❑

21.3 b. If yes, how does the enterprise evaluate the accountability of functional agencies?

No.	Indicator	Very poor	Poor	Neutral	Good	Very good
1	The timely of the response of the government	1	2	3	4	5
2	The effectiveness in dealing with SmE's complains	1	2	3	4	5
3	In general, comment of the SmE for this matter	1	2	3	4	5

21.4. Documents, forms that provide appropriate and understandable information.

No.	Indicator	Very poor	Poor	Neutral	Good	Very good
1	The documents and forms provided are appropriate	1	2	3	4	5
2	The documents and forms provided are easy to understand	1	2	3	4	5
3	The documents and forms provided are quickly	1	2	3	4	5

4	In general, comment of the SmE for this matter	1	2	3	4	5

21.5 The level of corruption in forestry.

No.	Indicators	Very high	High	Moder-ate	Low	Very low	No corrupt	Do not know
1	Law enforcement	5	4	3	2	1	0	99
2	Public policy support	5	4	3	2	1	0	99
3	Issuance of permis-sion	5	4	3	2	1	0	99
4	In general, comment of the SmE for this matter	5	4	3	2	1	0	99

G. Maket

22. Ask SmE they are using legal timber? a. Yes ❑ ; b. ❑ ; c. Both ❑

23. Ask SmE about the market of their products? : a. Domestic ❑ ; b. Export ❑

24. Ask SmE the price for one ton of acacia for:

Woodchip- ..... Sawn timber-..... Peeled timber- .....

25. Ask SmE the number of customer that are consuming its product in the domestic market?

.....

26. Ask SmE the number of customer that are consuming its product in the export market?

.....

The recommendation from SmE:

.....

.....

.....

Note and comment from the interview:

.....

.....

.....

.....

--- Thank you! ---

In: 120 cuốn, khổ: 18,5 x 26cm.

In tại: Công ty TNHH thương mại và truyền thông quảng cáo Quang Minh

Địa chỉ: Số 120 Triều Khúc, xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Số xác nhận ĐKXB: 1850 - 2019/CXBIPH/48 - 29/HĐ.

Số QĐXB của NXB: 85/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 03 tháng 6 năm 2019

In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.

FAO-EU FLEGT PROGRAMME

Food and Agriculture Organization of the United Nations

Sweden Sverige

UKaid from the British people

Ấn phẩm này được xuất bản trong khuôn khổ Dự án "Các tổ chức xã hội giám sát tác động của Hiệp định Đối tác Tự nguyện trong bối cảnh FLEGT và REDD+" do Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO) tài trợ thuộc Chương trình FAO-EU FLEGT.

DFID Department for International Development

fern MAKING THE EU WORK FOR PEOPLE & FORESTS

Một phần kinh phí xuất bản ấn phẩm này được hỗ trợ từ Dự án "Rừng, Quản trị, Thị trường và Khí hậu" do DFID tài trợ thông qua tổ chức Fern.

Tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung, tính chính xác của ấn phẩm này. Nội dung ấn phẩm không nhất thiết phản ánh quan điểm của các tổ chức tài trợ cũng như SRD.

Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ:

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN BỀN VỮNG (SRD)
Địa chỉ: Số 56, ngách 19/9 Kim Đồng, Hoàng Mai, Hà Nội
*Tel: +84 4 3943 6676/78 * Fax: +84 4 3943 6449*
*Email: info@srd.org.vn * Website: www.srd.org.vn*
Facebook: www.facebook.com/srdvietnam